

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Chỉ và bà Đỗ Thị Ái Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L, sinh năm 1992.

ĐKKH: Thôn C, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Đội 7, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn Q sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đã có con chung thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Kim Thành vào ngày 08/3/2012. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh Q tại Cao Ngõ, Liên Hòa, Kim Thành; vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được khắc phục nên từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, chị về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ tại xã K, huyện K (không đăng

ký tạm trú); cũng từ đó vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 11/10/2011. Khi ly hôn chị tự nguyện giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, nếu anh Q yêu cầu chị phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì chị cũng đồng ý. Trường hợp anh Q không muốn nuôi con thì chị sẽ trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Quan điểm của bị đơn: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Q có đơn trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị L đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã L, Kim Thành, Hải Dương. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn nên từ năm 2018 anh và chị L đã sống ly thân cho đến nay. Việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

2. *Về con chung*: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thuỳ Tsinh ngày 11/10/2011; từ khi vợ chồng ly thân thì anh là người trực tiếp nuôi con chung. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Anh và chị L không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên anh không đến Tòa án theo Giấy triệu tập, anh xin vắng mặt tại Tòa án trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và do vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND xã L, Kim Thành*: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 28/3/2012. Theo thông tin tại cơ sở thì quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cãi cọ, xúc phạm nhau do anh Q mãi chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Do mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở xã Kim Đính sinh sống.

- *Bà Đỗ Thị Thi (mẹ đẻ chị L) khai*: Trong thời gian chung sống thì vợ chồng cháu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ nhau. Gia đình hai bên đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không được khắc phục, tình cảm không được hàn gắn. Từ năm 2018 thì vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đề

ngợi Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Vợ chồng chị L, anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 11/10/2011, cháu hiện nay đang sống cùng anh Q tại gia đình bố mẹ đẻ anh Q ở xã L. Nếu như chị L được quyền nuôi con thì gia đình bà sẵn sàng hỗ trợ mẹ con cháu về chỗ ở, kinh tế cũng như giúp đỡ cháu trông nom con khi đi làm.

- Ông Nguyễn Văn Tập (Bố đẻ anh Q) khai: Vợ chồng anh Q, chị L trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Q không quan tâm đến gia đình, vợ con nên vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau. Chị L đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ tại xã Kim Đình, Kim Thành sinh sống; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 11/10/2011; hiện cháu đang ở cùng anh Q tại gia đình ông. Nếu anh Q được quyền nuôi con thì ông sẽ giúp tạo điều kiện cho anh Q và con về chỗ ở cũng như giúp đỡ anh Q trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt.
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đều chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 11/10/2011; thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung tính từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đăng ký hộ khẩu thường

trú tại xã L, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện; không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai làm rõ mâu thuẫn vợ chồng, chị L và anh Q đều xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 11/10/2011. Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu này thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh Q là người trực tiếp nuôi con tại gia đình bố mẹ đẻ, được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ về kinh tế cũng như giúp đỡ trong việc trông nom, chăm sóc con; anh Q có công việc và thu nhập ổn định nên đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Mặt khác, cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng bố. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; cần giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q về việc không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L; xử:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 11/10/2011 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Q về việc không yêu cầu chị Trần Thị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí:* Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002669 ngày 09/3/2022. Chị Trần Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Nơi nhận:

- + VKSND huyện Kim Thành.
- + Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- + UBND xã L, huyện K.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa